

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-PT

Ngày 13/01/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Ông Vũ Việt Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DSST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2019/QĐ-PT ngày 24/12/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2019/QĐ-PT ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1966; Địa chỉ: số 17, đường A, phường A, quận S, thành phố Đ. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1969; Địa chỉ: số 35, đường A, tổ 36, phường A, quận S, thành phố Đ. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Minh T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là bà Lê Thị Bích H trình bày:* Từ tháng 08/2018 đến tháng 11/2018, bà Lê Thị Bích H có cho bà Nguyễn Thị Minh T vay mượn nhiều lần tiền với tổng số tiền là 380.000.000 đồng để bà T đáo hạn cho các hội viên tại Ủy ban nhân dân phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Trong đó, có những khoản bà T mượn xong trả rồi vay mượn lại nhiều lần. Mặc dù, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T cứ hẹn mãi với lý do Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng chưa giải ngân. Vì chị em quen biết nhau đã lâu nên bà để cho bà T thời gian và đến ngày 25/11/2018, bà H và bà T chốt lại số tiền bà T nợ bà là 380.000.000 đồng. Bà T hẹn trả trước 100.000.000 đồng nhưng đến nay sau nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng bà T vẫn không trả. Tại phiên hòa giải thành ngày 26/9/2019, giữa bà H và bà T thống nhất phương án trả nợ. Tuy nhiên, đến ngày 01/10/2019, bà được biết thông tin bà T có thể chấp ngôi nhà đang ở để vay Ngân hàng với số tiền 2.000.000.000 đồng nhưng bà T không chịu trả tiền cho bà. Do đó, bà làm đơn thay đổi sự thỏa thuận được lập tại phiên hòa giải ngày 26/9/2019. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải trả lại số tiền 380.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:* Bà xác nhận với bà H về thời gian vay tiền từ khoảng tháng 08/2018 đến tháng 11/2018, bà có nhiều lần vay tiền của bà Lê Thị Bích H với tổng số tiền là 380.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa có điều kiện trả một lần cho bà H số tiền nêu trên. Mặc dù đã được hai bên thống nhất phương án thời gian trả nợ nhưng sau đó bà H đã thay đổi sự thỏa thuận được lập tại phiên hòa giải ngày 26/9/2019. Nay bà đồng ý trả lại cho bà H số tiền vay 380.000.000 đồng nhưng bà xin trả

theo như phương án đã được hai bên thỏa thuận tại phiên hòa giải ngày 26/9/2019. Đợt 01: Từ ngày 27/9/2019 đến 31/12/2019, trả trước 190.000.000đồng. Đợt 02: Từ ngày 01/01/2020 đến 30/3/2020, trả tiếp 190.000.000đồng là xong dứt điểm.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DSST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Lê Thị Bích H đối với bà Nguyễn Thị Minh T.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 380.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 19.000.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 9.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 7985 ngày 23/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/11/2019, bà Nguyễn Thị Minh T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với nội dung: Bản án sơ thẩm đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu: 16.500.000 đồng.

[2] Xét sự thỏa thuận của họ tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[3] Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa; Sửa Bản án sơ thẩm số: 18/2019/DSST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DSST: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 16.500.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng*). Hoàn trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007985 ngày 23/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí DSPT: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008223 ngày 13/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu

Vũ Việt Dũng

Trần Thị Bé

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé

